

Số: 65 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố 5 năm 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 220/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo số 405/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 160/BC-KTNS ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do thành phố quản lý là 107.558,337 tỷ đồng, bao gồm:

- a) Các nguồn vốn của Trung ương: 6.972,105 tỷ đồng.  
b) Các nguồn vốn của thành phố: 100.586,232 tỷ đồng.

2. Phương án bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025:

a) Thực hiện theo đúng Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

b) Các nguồn vốn đầu tư công của thành phố: 100.586,232 tỷ đồng, thực hiện như sau:

- Dự phòng chưa phân bổ là: 5.972,933 tỷ đồng.

- Số phân bổ chi tiết là 94.613,299 tỷ đồng, phân bổ như sau:

(1) Ghi thu - ghi chi tiền sử dụng đất: 5.500,000 tỷ đồng.

(2) Phân cấp cho các quận, huyện: 15.797,323 tỷ đồng.

(3) Hỗ trợ các quận, huyện chi trả kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư phục vụ Dự án Xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn thành phố: 220,442 tỷ đồng.

(4) Hỗ trợ các địa phương xây dựng công viên cây xanh: 502,571 tỷ đồng.

(5) Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu: 16.510,600 tỷ đồng.

(6) Vốn cho công tác quy hoạch: 100,000 tỷ đồng.

(7) Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng: 498,660 tỷ đồng.

(8) Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách và các đối tượng khác theo quy định của Luật Đầu tư công: 50,000 tỷ đồng.

(9) Hoàn trả vốn vay ứng Ngân sách trung ương: 400,000 tỷ đồng.

(10) Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện các dự án của thành phố: 55.033,703 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại các Biểu kèm theo)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Kế hoạch đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định; đồng thời tập trung chỉ đạo:

- Xây dựng các cơ chế, chính sách tăng nguồn thu ngân sách thành phố trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc: không làm giảm các nguồn thu quan trọng, đồng thời bồi dưỡng, phát triển và mở rộng các nguồn thu một cách bền vững, lâu dài.

- Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tiết kiệm chi thường xuyên, hàng năm tăng dần tỷ lệ chi cân đối ngân sách thành phố cho đầu tư phát triển.

- Tập trung rà soát, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành.

- Tập trung giải quyết các thủ tục hành chính để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án PPP đang triển khai. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề, văn hóa, thể thao và các dịch vụ công ích.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ: KH và ĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH HP;
- Ủy ban MTTQVN HP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- KBNN TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TTHĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Công báo HP; Cổng TTĐTTP (để đăng);
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- Các CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



**CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Lập**

**BIỂU IA. TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 65 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>107.558.337</b>
<b>I</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>6.972.105</b>
1	Vốn trong nước	4.077.190
2	Vốn nước ngoài - vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	2.894.915
<b>II</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>100.586.232</b>
1	Nguồn vốn đầu tư công cân đối trong năm kế hoạch	89.211.232
1.1	Nguồn XDCB TT	52.128.547
-	<i>Trong đó: Chi đầu tư từ nguồn thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu cảng biển</i>	5.825.000
1.2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	36.881.685
1.3	Nguồn xổ số kiến thiết	201.000
2	Vốn vay	10.000.000
2.1	<i>Trái phiếu chính quyền địa phương</i>	9.750.943
2.2	<i>Vay lại ODA</i>	249.057
3	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2020 chuyển sang	1.375.000

**BIỂU IB. PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 65 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	
		Tổng số trong giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
<b>I</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>6.972.105</b>	
1	Vốn trong nước	4.077.190	
2	Vốn nước ngoài - vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	2.894.915	
<b>II</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>100.586.232</b>	
<b>II.1</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>5.972.933</b>	
<b>II.2</b>	<b>Phân bổ chi tiết</b>	<b>94.613.299</b>	
1	Ghi chi tiền đất	5.500.000	
2	Phân cấp cho các quận, huyện	15.797.323	
-	Hỗ trợ vốn đầu tư công từ NSTP	8.979.106	<i>Biểu II</i>
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền đất của các quận, huyện	6.774.774	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu được điều tiết của các quận, huyện	43.443	
3	Hỗ trợ các quận, huyện chi trả kinh phí bồi thường GPMB tái định cư phục vụ Dự án Xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn thành phố	220.442	<i>Biểu III</i>
4	Xây dựng các công viên cây xanh	502.571	<i>Biểu IV</i>
5	Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu	16.510.600	<i>Biểu V</i>
6	Công tác quy hoạch	100.000	<i>Biểu VI</i>
7	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng	498.660	
8	Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách và các đối tượng khác theo quy định của Luật Đầu tư công	50.000	<i>Biểu VII</i>
9	Hoàn trả vốn vay ứng Ngân sách trung ương Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng	400.000	
10	Bố trí vốn thực hiện đầu tư và chuẩn bị đầu tư cho các dự án của thành phố	55.033.703	

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	
		Tổng số trong giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
10.1	Các dự án hoàn thành và chuyển tiếp	22.261.229	Biểu VIII
10.2	Vốn vay lại ODA	249.057	Biểu IX
10.3	Các nhiệm vụ, dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư	32.523.417	
a)	Đã phân bổ	884.765	
-	Chuẩn bị đầu tư	38.872	
	+ Trong đó: đã bố trí cho các dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư	4.705	Biểu X
-	Các dự án khởi công mới năm 2021	845.893	
b)	Dự kiến phân bổ	31.638.651	
-	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư	12.490	Biểu X
-	Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới năm 2021, năm 2022	1.514.409	Biểu XI
-	Bố trí vốn tăng thêm cho các dự án chuyển tiếp điều chỉnh tăng TMĐT	270.465	Biểu XII
-	Bố trí vốn cho các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư	29.841.287	Biểu XIII

**BIỂU II. VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ  
PHÂN CẤP CHO CÁC QUẬN, HUYỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương	Kế hoạch vốn ĐTC nguồn NSTP giai đoạn 2021 - 2025
	<b>Tổng số</b>	<b>8.979.106</b>
1	Thủy Nguyên	993.190
2	Vĩnh Bảo	799.676
3	Tiên Lãng	733.272
4	An Lão	625.597
5	An Dương	742.963
6	Kiến Thụy	725.639
7	Cát Hải	682.571
8	Lê Chân	508.270
9	Ngô Quyền	462.704
10	Hồng Bàng	379.350
11	Hải An	403.921
12	Kiến An	612.125
13	Đồ Sơn	588.002
14	Dương Kinh	532.151
15	Bạch Long Vĩ	189.675

**BIỂU III. HỖ TRỢ TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC QUẬN, HUYỆN CHI TRẢ BỒI THƯỜNG GPMB, TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐƯỜNG Ô TÔ CAO TỐC HÀ NỘI - HẢI PHÒNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn ĐTC nguồn NSTP giai đoạn 2021 - 2025
	<b>Tổng số</b>	<b>220.442,397</b>
1	Quận Hải An	9.240,234
2	Quận Dương Kinh	34.573,576
3	Huyện Kiến Thụy	52.320,208
4	Huyện An Lão	124.308,379

**BIỂU IV. HỖ TRỢ CÁC QUẬN ĐẦU TƯ CÔNG VIÊN CÂY XANH  
TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số **65** /NQ-HĐND ngày **10** tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Kế hoạch vốn ĐTC nguồn NSTP giai đoạn 2021 - 2025		
			Tổng số	Kế hoạch năm 2021	Giai đoạn 2022 - 2025
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>502.570,860</b>	<b>82.570,860</b>	<b>420.000,000</b>
1	Quận Ngô Quyền	Hỗ trợ đầu tư công viên cây xanh	79.996,000	19.996,000	60.000,000
2	Quận Hồng Bàng	Hỗ trợ đầu tư công viên cây xanh	70.004,000	10.004,000	60.000,000
3	Quận Lê Chân	Hỗ trợ đầu tư công viên cây xanh	75.000,000	15.000,000	60.000,000
4	Quận Kiến An	Hỗ trợ đầu tư công viên cây xanh	75.000,000	15.000,000	60.000,000
5	Quận Hải An	Hỗ trợ đầu tư công viên cây xanh	69.300,000	9.300,000	60.000,000
6	Quận Dương Kinh	Hỗ trợ đầu tư công viên cây xanh	73.070,860	13.070,860	60.000,000
7	Quận Đồ Sơn	Hỗ trợ đầu tư công viên cây xanh	60.200,000	200,000	60.000,000

**BIỂU V. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU**

*(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Huyện	Số lượng xã			Kế hoạch vốn ĐTC nguồn NSTP giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số xã	Xã thí điểm từ năm 2020 chuyển tiếp sang tiếp tục thực hiện năm 2021	Xã thực hiện giai đoạn 2021-2025	Tổng	Bố trí cho 08 xã thí điểm từ năm 2020 chuyển tiếp sang năm 2021	Bố trí cho 129 xã thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025
	<b>Tổng</b>	<b>137</b>	<b>8</b>	<b>129</b>	<b>16.510.600</b>	<b>385.600,00</b>	<b>16.125.000</b>
1	Vĩnh Bảo	29	1	28	3.667.240	71.270,00	3.595.970
2	Tiên Lãng	20	1	19	2.509.590	69.470,00	2.440.120
3	An Lão	15	1	14	1.874.590	76.610,00	1.797.980
4	Kiến Thụy	17	1	16	2.113.170	58.330,00	2.054.840
5	An Dương	15	1	14	1.859.440	61.460,00	1.797.980
6	Thủy Nguyên	35	2	33	4.286.570	48.460,00	4.238.110
7	Cát Hải	6	1	5	200.000		200.000

**BIỂU VI. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
ĐỐI VỚI CÁC NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên Quy hoạch	Cơ quan lập Quy hoạch	QĐ phê duyệt dự toán	Giá trị dự toán được phê duyệt	Kế hoạch vốn ĐTC nguồn NSTP giai đoạn 2021 - 2025
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>100.000,000</b>
1	Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	478/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 phê duyệt dự toán lập QH	68.152,000	67.552,000
2	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Đền thờ Nguyễn Bình Khiêm	UBND huyện Vĩnh Bảo	2108/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 phê duyệt dự toán lập QH	3.602,156	3.602,156
3	Các nhiệm vụ quy hoạch khác				28.845,844

**BIỂU VII. CẤP VỐN ĐIỀU LỆ CHO CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH  
VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC THEO QUY ĐỊNH  
CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 65 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên quỹ	Cơ quan trực tiếp quản lý quỹ	Tổng số vốn điều lệ đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn ĐTC nguồn NSTP giai đoạn 2021 - 2025
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>50.000</b>
1	Quỹ Trợ vốn công nhân, viên chức, lao động nghèo thành phố Hải Phòng	Liên đoàn lao động thành phố Hải Phòng	17.500	5.000
2	Quỹ Hỗ trợ nông dân	Hội nông dân thành phố	21.351	25.000
3	Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển thành phố	Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Hải Phòng	30.851	15.000
5	Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Hải Phòng	Sở Tài nguyên và Môi trường	24.924	0
4	Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã	Liên minh Hợp tác xã thành phố Hải Phòng	15.545	5.000

**BIỂU VIII. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt/ Giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)	
			Số QĐ	TMĐT		
				Tổng số		Trong đó: NSTP
	<b>Tổng số</b>			<b>74.226.593,728</b>	<b>52.233.955,813</b>	<b>22.261.229,421</b>
<b>I</b>	<b>Các hoạt động kinh tế</b>			<b>62.632.373,352</b>	<b>47.431.115,552</b>	<b>20.675.371,213</b>
<b>I.1</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp</b>			<b>6.101.539,401</b>	<b>2.234.933,331</b>	<b>1.936.725,971</b>
1	Nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm và phát triển nông thôn và khí sinh học thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		94.958,950	15.128,059	3.998,094
2	Dự án đầu tư xây dựng Cảng cá Trần Châu tại đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng	Ban Quản lý dự án các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	24/QĐ-STC ngày 16/7/2021	282.537,169	282.537,169	66.853,169
3	Dự án đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Cát Bà giai đoạn 2010 - 2015	Vườn Quốc gia Cát Bà	1843/QĐ-UBND ngày 30/10/2010	270.044,000		171.322,000
4	Xây dựng CSHT Trung tâm dịch vụ hậu cần và phát triển thủy sản Trần Châu, Cát Bà	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	54/QĐ-STC ngày 02/11/2017	304.425,379	2.122,000	1.522,000
5	Xây dựng công trình Kiên cố hóa và điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đê tả Lạch Tray từ cầu An Đông đến cầu Rào, đoạn K19+000 - K25+750	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	871/QĐ-UBND ngày 06/02/2010; 2385/QĐ-UBND ngày 19/10/2015; 2895/QĐ-UBND ngày 02/11/2018; 2605/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	199.619,000	125.120,000	35.000,000
6	Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017; 2638/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	885.860,000	86.960,000	83.960,000
7	Dự án phục hồi và phát triển rừng ven biển tại quần đảo Cát Bà thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2020	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2580/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1940/QĐ-UBND ngày 21/8/2019	130.000,000	20.066,000	16.366,000
8	Xây dựng hồ chứa và công trình thủy lợi cung cấp nước ngọt tại xã Xuân Đám, huyện Cát Hải	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	984/QĐ-UBND ngày 23/6/2010; 447/QĐ-UBND ngày 05/3/2013; 2343/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 1117/QĐ-UBND ngày 04/5/2020	131.453,000	60.621,000	50.621,000
9	Xây dựng hồ chứa và công trình thủy lợi cung cấp nước ngọt tại xã Trần Châu, đảo Cát Bà, huyện Cát Hải	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	44/QĐ-STC ngày 03/11/2021	66.474,371	16.474,371	6.454,371
10	Tu bổ đề điều thường xuyên năm 2017 thành phố Hải Phòng	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	34/QĐ-STC ngày 18/9/2019	54.997,865	54.997,865	14.997,865
11	Đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp	955/QĐ-UBND ngày 20/12/2010; 2584/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 2131/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	2.284.038,000	1.257.267,000	1.252.967,000
12	Giảm sóng ổn định bãi và trồng cây bảo vệ đê biển I, Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1990/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	37.193,000	3.451,000	3.451,000
13	Khôi phục, nâng cấp khẩn cấp đê biển Cát Hải đoạn từ K1 + 181 đến K3 + 094	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	08/QĐ-STC ngày 26/5/2016	48.372,342	3.252,342	1.752,342
14	Xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vỹ (giai đoạn 1)	Tổng đội thanh niên xung phong	1648/QĐ-UBND ngày 17/10/2011; 145/QĐ-UBND ngày 21/01/2016; 498/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; 3267/QĐ-UBND ngày 29/11/2017	188.192,000	16.192,000	15.108,000

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt/ Giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)	
			Số QĐ	TMĐT		
				Tổng số		Trong đó: NSTP
15	Dự án đầu tư xây dựng công trình Bố trí lại dân cư phát triển nông thôn theo mô hình thí điểm tại xã Tân Trào và xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy	Chi cục phát triển nông thôn	12/QĐ-STC ngày 16/3/2018; 224/QĐ-UBND ngày 21/01/2021	65.490,979	32.126,979	9.439,479
16	Dự án Phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển, ven sông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2015 - 2020	Trung tâm Giống và Phát triển nông lâm nghiệp công nghệ cao Hải Phòng	1937/QĐ-UBND ngày 26/8/2015	103.282,400	4.285,600	4.285,600
17	Dự án Xây dựng khu nuôi tôm công nghiệp ven đường 14 Kiến Thụy - Đồ Sơn (Thanh toán gói thầu hoàn thành: gói thầu số 02 - Công, cầu trên kênh và số 07 - Nhà quản lý xét nghiệm môi trường)	Công ty chế biến thủy sản xuất khẩu	22/QĐ-STC ngày 02/5/2019	1.876,654	1.876,654	576,654
18	Dự án đầu tư xây dựng Cảng và khu neo đậu tàu phía Tây bắc đảo Bạch Long Vỹ	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Long Vỹ	1725/QĐ-UBND ngày 18/10/2020; 93/QĐ-UBND ngày 24/01/2011; 1590/QĐ-UBND ngày 09/8/2016; 3046/QĐ-UBND ngày 19/01/2018; 428/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	537.729,000	30.229,000	30.179,000
19	Tu bổ đề điều thường xuyên năm 2014	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	09/QĐ-STC ngày 26/5/2017	26.001,758	26.001,758	143,693
20	Xử lý cấp bách chống xói lở bờ đê tả sông Lạch Tray, đoạn K15+450 đến K16+600 và đoạn K17+590 đến K19+000, huyện An Dương	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	40/QĐ-STC ngày 30/9/2019	12.978,534	12.978,534	338,225
21	Dự án Củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển I từ K0+000 đến K11+500 và từ K17+000 đến K17+591	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1843/QĐ-UBND ngày 17/9/2009; 2337/QĐ-UBND ngày 28/12/2012; 1927/QĐ-UBND ngày 25/8/2015	306.753,000	154.753,000	154.753,000
22	Dự án đầu tư bố trí, sắp xếp và ổn định dân cư khu vực Khe Sâu, đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng	Chi cục phát triển nông thôn	43/QĐ-STC ngày 03/11/2021	46.164,00	19.395,00	3.639,479
23	Dự án đầu tư xây dựng cống Rộc tại K7+748 đê biển III, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	BQLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2631/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 2624/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	23.098,000	9.098,000	8.998,000
<b>I.2</b>	<b>Giao thông</b>			<b>34.401.044,776</b>	<b>26.041.459,776</b>	<b>13.919.444,102</b>
1	Xây dựng cầu Rào 1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2143/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	2.265.197,934	2.265.197,934	2.114.197,934
2	Tuyến đường Đông Khê 2 - giai đoạn I, quận Ngô Quyền đoạn từ ngã tư Nguyễn Bình Khiêm - Văn Cao đến đường Lê Lợi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	917/QĐ-UBND ngày 24/5/2013; 355/QĐ-UBND ngày 07/3/2016; 2329/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	1.340.802,840	1.340.802,840	1.215.288,658
3	Xây dựng trục đường Hồ Sen - Cầu Rào 2, đoạn từ nút giao với đường Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 đường Chợ Con	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2929/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 2911/QĐ-UBND ngày 22/9/2020	2.053.334,000	2.053.334,000	552.664,000
4	Xây dựng nút giao Nam cầu Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2928/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	1.411.190,677	1.411.190,677	384.297,289
5	Xây dựng đường nối từ cầu Lạng Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo đến đường bộ ven biển	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2662/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.343.185,295	1.343.185,295	1.314.085,295
6	Xây dựng tuyến đường từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2671/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 2779/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	1.290.947,000	1.290.947,000	318.590,972

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt/ Giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)	
			Số QĐ	TMĐT		
				Tổng số		Trong đó: NSTP
7	Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng sử dụng vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới và các dự án tài định cư, phục vụ GPMB	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	199/QĐ-UBND ngày 30/01/2011; 200/QĐ-UBND ngày 30/01/2011; 2264/QĐ-UBND ngày 13/11/2013; 2057/QĐ-UBND ngày 21/10/2013; 605/QĐ-UBND ngày 14/3/2014; 607/QĐ-UBND ngày 14/3/2014; 2375/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 1242/QĐ-UBND ngày 07/01/2016; 916/QĐ-UBND ngày 23/5/2013; 2924/QĐ-UBND ngày 29/12/2015; 292/QĐ-UBND ngày 02/3/2015; 3346/QĐ-UBND ngày 29/12/2015; 3347/QĐ-UBND ngày 29/12/2015; 1865/QĐ-UBND ngày 07/9/2016; 1844/QĐ-UBND ngày 07/8/2018	5.342.081,000	1.927.748,000	91.151,000
8	Mở rộng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng từ ĐT 353 đến cầu Thái Bình (Km0-Km19+645)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2513/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	946.367,201	550.367,201	548.217,201
9	Mở rộng đường xuyên đảo Cát Hải (Cái Viêng - Mốc Trắng)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2275/QĐ-UBND ngày 20/11/2007 1122/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 356a/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 2502/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 2387/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	669.705,000	637.426,000	210.221,996
10	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ nút giao Nam cầu Bình đến Ngã 4 đường Tôn Đức Thắng - Máng Nước - Quốc lộ 5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	1910/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 29/QĐ-UBND ngày 04/3/2021	770.094,602	770.094,602	626.294,602
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Đoàn Lập - cầu Hân - quốc lộ 37	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2933/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 2374/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	318.512,000	318.512,000	140.540,000
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Đoàn Lập - cầu Đàng - quốc lộ 37	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2932/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 2592/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	226.534,000	226.534,000	34.365,651
13	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Hóa, nối giữa huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	869/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	185.034,385	182.004,385	51.947,581
14	Tuyến đường trục đô thị nối đường liên phường với đường 356 (giai đoạn II tuyến đường liên phường) quận Hải An	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2855/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.574,052	282.574,052	72.544,052
15	Cải tạo, nâng cấp đường 356, đoạn từ Ngã ba Áng Sỏi đến tổ dân phố số 2 thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2723/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	232.178,137	232.178,137	141.500,153
16	Đầu tư xây dựng cầu Dinh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2660/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 3877/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	269.439,947	186.471,947	67.571,947
17	Xây dựng cầu Quang Thanh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2661/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 3876/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	398.600,000	239.304,000	86.356,504
18	Dự án cải tạo, nâng cấp đường 362 huyện An Lão (đoạn từ ngã ba Quán Chùng Km18+500 đến ngã tư Kênh Km27+600)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2887/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2373/QĐ-UBND ngày 10/8/2020	133.534,000	133.534,000	60.817,964
19	Đầu tư xây dựng Cầu Khuê	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	301/QĐ-UBND ngày 26/02/2007; 1941/QĐ-UBND ngày 29/9/2009; 359/QĐ-UBND ngày 10/3/2010; 1402/QĐ-UBND ngày 18/7/2016; 2228/QĐ-UBND ngày 10/8/2018	509.740,000	145.209,000	19.050,061

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt/ Giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)	
			Số QĐ	TMDT		
				Tổng số		Trong đó: NSTP
20	Đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 356 (đoạn từ ngã ba Hiền Hào đến ngã ba Áng Sỏi, huyện Cát Hải)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	1445/QĐ-UBND ngày 16/9/2011; 1604/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 1818/QĐ-UBND ngày 21/08/2014; 2503/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	826.657,000	555.657,000	138.608,067
21	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường trục qua Khu công nghiệp Đình Vũ, thành phố Hải Phòng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2133/QĐ-UBND ngày 29/10/2013; 3077/QĐ-UBND ngày 21/11/2018; 703/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	562.103,000	172.103,000	147.003,000
22	Xây dựng nút giao thông khác mức giữa đường Lê Hồng Phong với đường Nguyễn Bình Khiêm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	739/QĐ-UBND ngày 13/5/2016; 2661/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	375.423,825	375.423,825	61.203,825
23	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Quyền	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	2634/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 3269/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	79.650,005	79.650,005	26.301,712
24	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	64/QĐ-STC ngày 20/12/2019	57.556,374	57.556,374	6.291,374
25	Dự án khắc phục sự cố cầu Bính	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	11/QĐ-STC ngày 17/6/2016	132.663,000		17.945,000
26	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 đoạn từ cầu Đá Bạc đến cầu Kiền	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	3095/QĐ-UBND ngày 07/10/2020	1.220.720,214	1.220.720,214	908.720,214
27	Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 354 qua KCN Kiến Thụy đến đường bộ ven biển tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy	UBND huyện Kiến Thụy	2650/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	924.238,000	924.238,000	901.238,000
28	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường ĐT 363 (đoạn kênh Hòa Bình, từ ĐT 353 đến ĐT 361)	UBND huyện Kiến Thụy	3096/QĐ-UBND 10/7/2020	556.957,000	556.957,000	553.457,000
29	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng Nước từ chân Cầu Bính nối với đường 359 tại Thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	2636/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	420.004,532	420.004,532	260.168,532
30	Cải tạo nâng cấp đường 359 từ cầu Bính đến xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	2931/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 3928/QĐ-UBND ngày 29/12/2020; 3237/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	1.819.685,000	1.739.685,000	968.083,649
31	Cải tạo đường thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	2930/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 499/QĐ-UBND ngày 17/02/2021	442.692,000	442.692,000	284.395,050
32	Cải tạo nâng cấp đường 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến Khu Công nghiệp bến Rừng, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	2626/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.142.427,000	1.142.427,000	941.325,301
33	Dự án xây dựng tuyến đường vào và khu bảo tồn bãi cọc Cao Quý, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	719/QĐ-UBND ngày 12/3/2020	362.461,000	362.461,000	119.561,000
34	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 25 huyện Tiên Lãng từ Tỉnh lộ 354 đến Quốc lộ 10	UBND Huyện Tiên Lãng	2583/QĐ-UBND ngày 27/10/2016; 181/QĐ-UBND ngày 18/01/2021	134.146,784	121.749,784	27.749,784
35	Tuyến đường bao phía Nam kênh huyện đội, thị trấn Tiên Lãng (đoạn từ đường 354 đến đường 212)	UBND Huyện Tiên Lãng	2856/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2987/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	129.882,000	69.166,000	50.866,000
36	Nâng cấp cải tạo tuyến đường phòng chống lụt bão và trục liên xã Bắc Hưng - Nam Hưng - Đông Hưng - Tây Hưng (đoạn từ ngã ba Quán Cháy đi cống C4)	UBND Huyện Tiên Lãng	2884/QĐ-UBND ngày 28/10/2017; 3155/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	158.447,000	110.467,000	67.778,000
37	Cải tạo, nâng cấp đường Cúc Phố - Ninh Đông (đoạn từ xã Cộng Hiền đến xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo)	UBND huyện Vĩnh Bảo	2781/QĐ-UBND ngày 29/10/2018; 25/QĐ-STC ngày 23/7/2021	41.886,201	36.136,201	16.136,201

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt/ Giá trị quyết toán			Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)
			Số QĐ	TMĐT		
				Tổng số	Trong đó: NSTP	
38	Đường bao Đông Nam quận Hải An đoạn từ khu vực chân cầu Rào đến vị trí giao với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	UBND quận Hải An	587/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 1195/QĐ-UBND ngày 31/7/2012	2.066.540,000	200.000,000	50.000,000
39	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự (đoạn từ cổng Sân bay cũ đến đường liên phường), quận Hải An	UBND quận Hải An	2857/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	242.529,984	242.529,984	205.380,000
40	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường xung quanh Trung tâm Thương mại AEONMALL Hải Phòng Lê Chân	UBND quận Lê Chân	1731/QĐ-UBND ngày 26/7/2019; 2580/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	119.277,990	119.277,990	53.768,351
41	Dự án đầu tư xây dựng đường vào cơ quan nội chính, tư pháp quận Lê Chân	UBND quận Lê Chân	2934/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	61.181,900	61.181,900	19.649,494
42	Cải tạo, mở rộng nút giao thông ngã 5 Kiến An	UBND quận Kiến An	2848/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1696/QĐ-UBND ngày 19/6/2020	153.621,000	153.621,000	4.417,992
43	Xây dựng tuyến đường phục vụ Nhà máy phi thép Việt Ý tại cụm công nghiệp VINASHIN - SHINEC (giai đoạn I và II)		632/QĐ-STC ngày 14/4/2011; 95/QĐ-STC ngày 15/8/2016	24.236,897	24.236,897	12.321,356
44	Cải tạo, nâng cấp đường 356 đoạn 2A từ ngã 3 Nguyễn Bình Khiêm đến đập Đình Vũ (K0-K2,231)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	534/QĐ-UBND ngày 06/4/2010; 2164/QĐ-UBND ngày 11/12/2012; 390/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	1.310.993,000	963.993,000	7.051,341
45	Dự án Cải tạo đường du lịch từ đầu Khu I đến Đồi Độc - Đò Sơn	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2225/QĐ-UBND ngày 30/10/2009	93.842,000		3.034,000
46	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rào II	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	646/QĐ-UBND ngày 16/4/2009	660.319	61.059	1.044,000
47	Dự án xây dựng tuyến đường cầu Rào II- Nút giao Nguyễn Văn Linh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	1861/QĐ-UBND ngày 22/9/2009	291.851	291.851	16.243,000
I.3	Công trình công cộng tại các đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới			19.691.245,090	18.318.060,964	4.461.433,095
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2008/QĐ-UBND ngày 15/9/2016; 2632/QĐ-UBND ngày 10/10/2018	9.899.085,000	9.899.085,000	1.476.777,392
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc sông Cấm	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2610/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 2553/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	911.134,213	911.134,213	400.552,526
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Bắc Sông Cấm giai đoạn 2	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2247/QĐ-UBND ngày 20/9/2019	637.897,455	637.897,455	345.132,455
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ Khu 47 Lê Lai, phường Máy Chai; Khu 311 Đà Nẵng, phường Cầu Tre và U1, U2, U3 Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2856/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	330.140,039	330.140,039	249.531,431
5	Đầu tư chỉnh trang đô thị (xây dựng hạ tầng kỹ thuật) tại khu đất số 4 Trần Phú, quận Ngô Quyền và phục vụ đấu giá đất	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	875/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	70.305,000	70.305,000	30.751,992
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền (giai đoạn 1)	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2481/QĐ-UBND ngày 25/9/2017; 3238/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	744.581,557	744.581,557	437.793,376
7	Đầu tư xây dựng khu tái định cư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 tại phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền	UBND quận Ngô Quyền	50/QĐ-UBND ngày 11/01/2012; 54/QĐ-UBND ngày 12/01/2015; 1092/QĐ-UBND ngày 09/5/2015; 551/QĐ-UBND ngày 14/3/2019	198.516,000	198.516,000	59.515,051

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt/ Giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)	
			Số QĐ	TMĐT		
				Tổng số		Trong đó: NSTP
8	Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư (điểm số 3) tại phường Đăng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2	UBND quận Ngô Quyền	2225/QĐ-UBND ngày 19/12/2012; 61/QĐ-UBND ngày 12/01/2015; 702/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 1924/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	63.153,918	63.153,918	8.073,918
9	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường Đông Khê 2 tại phường Đông Khê, quận Ngô Quyền	UBND quận Ngô Quyền	564/QĐ-UBND ngày 14/03/2017; 2591/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	69.160,568	69.160,568	56.916,654
10	Khu nhà ở chung cư tái định cư 5 tầng tại phường Kênh Dương, q.Lê Chân	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	21/QĐ-STC ngày 20/8/2015	78.698,195	78.698,195	10.661,195
11	Xây dựng công trình nhà B tái định cư 11 tầng thuộc Khu nhà chung cư Đông Quốc Bình, quận Ngô Quyền	Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng	2174/QĐ-UBND ngày 04/10/2006; 1595/QĐ-UBND ngày 26/9/2008; 32/QĐ-UBND ngày 09/01/2021; 386/QĐ-UBND ngày 11/02/2014	161.121,000	161.121,000	36.836,502
12	Đầu tư xây dựng công trình Nhà chung cư tái định cư tại khu T, phường Thành Tô, quận Hải An	Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng	362/QĐ-UB ngày 7/3/2005; 489/QĐ-UBND ngày 16/4/2012; 2666/QĐ-UBND ngày 24/11/2015; 663/QĐ-UBND ngày 26/3/2017	86.639,000	86.639,000	18.245,506
13	Xây dựng Khu tái định cư phục vụ GPMB Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường Máng Nước từ chân cầu Bính nối với đường 359 tại thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	UBND huyện Thủy Nguyên	2905/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	187.127,078	187.127,078	37.894,078
14	Đầu tư xây dựng khu tái định cư đảo Cát Hải - giai đoạn I (tại xã Văn Phong và Nghĩa Lộ, diện tích 15,66ha)	Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải	2858/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 2106/QĐ-UBND ngày 06/9/2019; 1704/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	495.737,675	425.737,675	76.796,673
15	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư đảo Cát Hải - Giai đoạn I (tại các xã Văn Phong, Nghĩa Lộ và Hoàng Châu - diện tích 19,68ha)	Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải	547/QĐ-UBND ngày 14/3/2019; 1705/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	642.878,973	642.878,973	551.143,041
16	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải	Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải	02/QĐ-STC ngày 13/3/2020	135.072,126	60.590,000	30.590,241
17	Hạ tầng kỹ thuật khu đất tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố	UBND quận Lê Chân	1857/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	139.025,000	139.025,000	44.570,857
18	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp vỉa hè, lề đá sóng đảo Hạ Lý đường Lán Bè - đoạn từ cầu An Dương đến cầu An Đông	UBND quận Lê Chân	2678/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	61.723,691	61.723,691	54.704,365
19	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư tại A51 (tổ 24, 26, 27) phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân	UBND quận Lê Chân	1564/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	260.314,741	260.314,741	68.058,619
20	Hạ tầng chi tiết khu trung tâm đa chức năng, công trình công cộng và nhà ở Khu đô thị mới Ngã 5 - Sân bay Cát Bi, thành phố Hải Phòng	Công ty TNHH MTV Thương mại đầu tư phát triển đô thị	1100/QĐ-UBND ngày 17/12/1997; 3013/QĐ-UBND ngày 19/11/2004; 1917/QĐ-UBND ngày 14/8/2018	1.881.009,000	785.322,000	7.157,930
21	Xây dựng khu chung cư cao tầng tại phường Đông Khê, quận Ngô Quyền phục vụ tái định cư để GPMB tuyến đường trung tâm 100m Lạch Tray-Hồ Đông	Công ty TNHH MTV Thương mại đầu tư phát triển đô thị	1206/QĐ-UBND ngày 14/6/2005; 1191/QĐ-UBND ngày 16/7/2010	276.601,000	276.601,000	14.911,885
22	Xây dựng công viên cây xanh từ bến xe Tam Bạc đến chân cầu đường bộ Tam Bạc giai đoạn 2	UBND quận Hồng Bàng	1924/QĐ/UBND ngày 09/9/2016	598.526,000	598.526,000	131.123,376

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt/ Giá trị quyết toán			Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)
			Số QĐ	TMĐT		
				Tổng số	Trong đó: NSTP	
23	Đầu tư xây dựng công viên cây xanh từ bến xe Tam Bạc đến chân cầu đường bộ Tam Bạc giai đoạn I	UBND quận Hồng Bàng	2292/QĐ-UBND ngày 06/10/2015	34.835,680	34.835,680	3.835,680
24	Đầu tư chỉnh trang lại sông Tam Bạc (đoạn từ cầu Lạc Long đến công viên Tam Bạc)	UBND quận Hồng Bàng	2911/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	1.454.349,096	1.454.349,096	297.150,096
25	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị và nhà ở Cựu Viên - Kiến An, giai đoạn I (xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình công cộng)	Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng	1100/QĐ-UBND ngày 17/12/1997 3013/QĐ-UBND ngày 19/11/2004	251.687,000	118.672,000	12.296,000
26	Báo cáo kinh tế kỹ thuật ĐTXD điện chiếu sáng, lan can ven hồ Phương Lưu	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	39/QĐ-UBND ngày 13/01/2011	13.831,000	13.831,000	345,000
27	Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại khu đất Công ty Xuất nhập khẩu súc sản gia cầm Hải Phòng	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	66/QĐ-STC ngày 21/12/2018	8.095,085	8.095,085	67,257
I.4	Hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp			2.430.582,086	836.661,482	356.115,045
1	Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp	2676/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	311.148,571	311.148,571	56.148,572
2	Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp Trạm xử lý nước thải Cụm công nghiệp Tân Liên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp	2630/QĐ-UBND ngày 10/10/2018; 46/NQ-HĐND ngày 22/12/2020	17.952,500	17.952,500	8.376,500
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Tây Nam Khu công nghiệp Đình Vũ (Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp	01/QĐ-STC ngày 13/3/2020	802.279,000	36.358,396	36.358,396
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường gom Khu công nghiệp Tràng Duệ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp	1136/QĐ-UBND ngày 05/6/2014; 13/QĐ-UBND ngày 01/3/2020; 1660/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	93.742,000	93.742,000	22.042,000
5	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Liên thành phố Hải Phòng giai đoạn I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp	03/QĐ-STC ngày 13/01/2016	89.357,015	89.357,015	2.490,677
6	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính giao thông Khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp	936/QĐ-BQL ngày 18/7/2013; 1303/QĐ-BQL ngày 11/7/2017	992.070,000	164.070,000	163.970,000
7	Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Liên (giai đoạn II)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp	1552/QĐ-UBND ngày 20/9/2020; 2634/QĐ-UBND ngày 20/11/2015	124.033,000	124.033,000	66.728,900
I.5	Công nghiệp			7.962,000	0,000	1.653,000
1	Dự án đầu tư xây dựng mạng cáp ngầm 0,4Kv cấp điện sản xuất, sinh hoạt và nhiệm vụ quốc phòng an ninh tại đảo Bạch Long Vỹ	Tổng đội TNXP Hải Phòng	2659/QĐ-UBND ngày 08/10/2004 2352/QĐ-UBND ngày 12/10/2005	7.962,000		1.653,000
II	Y tế, dân số và gia đình			1.943.407,593	863.758,593	344.545,991

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt/ Giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)	
			Số QĐ	TMĐT		
				Tổng số		Trong đó: NSTP
1	Đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa Hải Phòng - Giai đoạn I (Đầu tư xây dựng Bệnh viện Việt Tiếp II)	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	894/QĐ-UBND ngày 02/6/2008; 1781/QĐ-UBND ngày 22/10/2010; 1949/QĐ-UBND ngày 30/11/2011; 1601/QĐ-UBND ngày 10/7/2015; 3205/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	988.740,800	216.938,800	139.597,800
2	Đầu tư xây dựng trung tâm sơ sinh thuộc Bệnh viện phụ sản Hải Phòng	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	583/QĐ-UBND ngày 02/5/2012; 2363/QĐ-UBND ngày 09/11/2017	114.575,000	86.575,000	6.506,000
3	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Tiên Lãng - giai đoạn I	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	1617/QĐ-UBND ngày 01/10/2010; 1969/QĐ-UBND ngày 13/9/2016; 2456/QĐ-UBND ngày 22/9/2017	57.630,000	57.380,000	11.721,000
4	Bệnh viện đa khoa quận Hải An	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	279/QĐ-UBND ngày 19/02/2008; 1276/QĐ-UBND ngày 07/6/2009	81.820,000	32.728	9.004,397
5	Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Thụy	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	798/QĐ-UBND ngày 27/5/2011	51.685,000	20.674,000	3.224,000
6	Chính trang, nâng cấp Bệnh viện Trẻ em	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2613/QĐ-UBND ngày 09/10/2017	76.675,942	76.675,942	58.875,942
7	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Y học Cổ truyền Hải Phòng - Giai đoạn I	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2662/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	188.742,000	188.742,000	53.742,000
8	Xây dựng nhà điều trị 5 tầng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2664/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 2867/QĐ-UBND ngày 22/11/2019	57.434,899	57.434,899	15.434,899
9	Dự án đầu tư Cung cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng sử dụng vốn vay ODA Hàn Quốc	Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	151/QĐ-UBND ngày 21/01/2016; 2618/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	74.845,000	7.795,000	7.615,000
10	Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm y tế dự phòng - Giai đoạn I	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	598/QĐ-UBND ngày 12/4/2016	6.829,000	1.329,000	1.289,000
11	Dự án đầu tư Trang thiết bị triển khai kỹ thuật can thiệp tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	Bệnh viện trẻ em Hải Phòng	469/QĐ-UBND ngày 27/02/2015	52.129,000	39.955,000	33.955,000
12	Dự án đầu tư trang thiết bị Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	Bệnh viện trẻ em Hải Phòng	1590/QĐ-UBND ngày 13/8/2009	146.450,000	58.580,000	936,000
13	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện trẻ em HP - giai đoạn I	Bệnh viện trẻ em Hải Phòng	35/QĐ-STC ngày 31/12/2020	45.850,952	18.950,952	2.644,953
<b>III</b>	<b>Giáo dục đào tạo</b>			<b>941.441,504</b>	<b>779.684,004</b>	<b>220.466,049</b>
1	Nhà học thí nghiệm, học tiếng, học bộ môn Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Phú	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2938/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	70.968,000	70.968,000	39.968,000
2	Xây dựng, sửa chữa Trường THPT Ngô Quyền	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2566/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	47.292,000	47.292,000	26.092,000
3	Trường PTTH Tô Hiệu, Vĩnh Bảo đạt chuẩn quốc gia	Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu	2683/QĐ-UBND ngày 13/12/2006; 170/QĐ-UBND ngày 22/01/2018; 1302/QĐ-UBND ngày 08/7/2008; 1418/QĐ-UBND ngày 25/6/2018	48.117,000	46.656,000	14.034,000
4	Trường THPT Ngô Quyền- hạng mục nhà A2	Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền	1834/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	13.785,000	6.892,500	1.806,140
5	Đầu tư xây dựng mới Trường Mầm non Nhi Đức, quận Kiến An	UBND quận Kiến An	2897/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	63.085,726	63.085,726	20.000,000
6	Xây dựng công trình Trường tiểu học thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải	Sở Giáo dục và Đào tạo	44/QĐ-STC ngày 31/10/2018	10.149,487	3.349,487	3.349,487
7	Cải tạo, nâng cấp 02 nhà giảng đường Trường Chính trị Tô Hiệu (giai đoạn I: Xây dựng nhà giảng đường 3 tầng số 2)	Trường Chính trị Tô Hiệu	35/QĐ-STC ngày 05/9/2018	23.085,597	23.085,597	2.055,597
8	Đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hải Phòng	Trường Đại học Hải Phòng	1641/QĐ-UBND ngày 25/8/2009; 1723/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 2003/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	176.524,554	97.524,554	92.024,554
9	Hạ tầng kỹ thuật trường Đại học Hải Phòng	Trường Đại học Hải Phòng	1249/QĐ-UBND ngày 06/2/2006; 2359/QĐ-UBND ngày 09/11/2017; 3527/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	165.136,000	97.532,000	20.638,000

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt/ Giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)	
			Số QĐ	TMBĐT		
				Tổng số		Trong đó: NSTP
10	Dự án Trường trung học phổ thông chuyên Trần Phú, giai đoạn I	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD		323.298,140	323.298,140	498,271
<b>IV</b>	<b>An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>			<b>525.754,050</b>	<b>485.974,597</b>	<b>272.423,424</b>
1	Trung tâm Bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ Công an thành phố tại phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn	Công an thành phố	25/QĐ-STC ngày 30/12/2016; 915/TB-KTNN ngày 21/11/2017	61.658,91	30.829,45	4.478,28
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trụ sở Công an thành phố	Công an thành phố	2904/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	165.906,95	165.906,95	101.406,95
3	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Đằng Lâm, quận Hải An	Công an thành phố	2912/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	13.500	13.500	7.450
4	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	Công an thành phố	2913/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	13.999	13.999	7.949
5	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân	Công an thành phố	2935/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.998	14.998	8.948
6	Xây dựng doanh trại Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy số 1 - Khu vực Dương Kinh	Công an thành phố	2828/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	55.949	46.999	26.999,20
7	Dự án đầu tư đóng mới tàu chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông, biển	Công an thành phố	2846/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 514/QĐ-UBND ngày 18/02/2021	199.742,00	199.742	115.192,00
<b>V</b>	<b>Quốc phòng</b>			<b>234.286,04</b>	<b>160.737,04</b>	<b>49.277,04</b>
1	Cải tạo, nâng cấp Căn cứ hậu phương số 1 khu vực phường Thủ thành phố HP	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng	2621/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	86.823,04	86.823	17.423,04
2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp doanh trại Trường Quân sự thành phố	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng	2580/QĐ-UBND ngày 23/12/2009	42.393,00	42.393	14.363,00
3	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên thuộc Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng	1571/QĐ-UBND ngày 04/10/2011	105.070,00	31.521	17.491,00
<b>VI</b>	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức</b>			<b>62.335,397</b>	<b>62.335,397</b>	<b>30.195,397</b>
1	Đầu tư xây dựng mới Tòa án nhân dân quận Dương Kinh	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2850/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.673,397	34.673,397	7.603,397
2	Xây dựng mới đơn nguyên 2 tòa án nhân dân quận Ngô Quyền và tu bổ, bảo tồn tòa nhà Pháp phía trước	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2636/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	27.662,000	27.662,000	22.592,000
<b>VII</b>	<b>Bảo vệ môi trường</b>			<b>6.478.195,404</b>	<b>1.645.317,291</b>	<b>519.677,488</b>
1	Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố HP giai đoạn I (Bao gồm cả Dự án tái định cư Gia Minh phục vụ GPMB hợp phần quản lý chất thải rắn)	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2333/QĐ-UBND ngày 25/10/2006; 1110/QĐ-UBND ngày 04/7/2008; 1807/QĐ-UBND ngày 11/9/2009; 2469/QĐ-UBND ngày 09/12/2009; 1727/QĐ-UBND ngày 18/10/2010; 1752/QĐ-UBND ngày 20/10/2010; 186/QĐ-UBND ngày 09/02/2012; 303/QĐ-UBND ngày 08/3/2012; 1821/QĐ-UBND ngày 23/9/2013; 1254/QĐ-UBND ngày 05/7/2013; 230/QĐ-UBND ngày 04/02/2016; 3098/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 577/QĐ-UBND ngày 15/3/2017; 1029/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; 1573/QĐ-UBND ngày 05/7/2018; 3616/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	5.919.373,593	1.486.499,317	454.648,999
2	Cải tạo và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khu xử lý chất thải rắn Đình Vũ	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	2637/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	14.985,000	14.985,000	6.985,000

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt/ Giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)	
			Số QĐ	TMĐT		
				Tổng số		Trong đó: NSTP
3	Đầu tư Khu xử lý chất thải rắn Áng Chà Chà - giai đoạn I, xã Trần Châu, huyện Cát Hải	UBND huyện Cát Hải	2896/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2107/QĐ-UBND ngày 06/9/2019; 1727/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	116.408,280	58.408,280	41.408,280
4	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	2591/QĐ-UBND ngày 10/05/2017	101.084,566	16.912,734	13.167,734
5	Dự án Quản lý và xử lý chất thải rắn Hải Phòng	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	696/QĐ-TTg ngày 28/8/1997 1259/QĐ-.... ngày 06/8/2015 3152/QĐ-.... ngày 20/11/2017	320.256,037	62.424,032	2.697,475
6	Xây dựng bãi rác tạm Đình Vũ và Trạm xử lý nước rỉ rác tại bãi rác tạm Đình Vũ	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	2945/QĐ-UBND ngày 10/11/2004	3.808,928	3.808,928	671,858
7	Xây dựng ô đò rác số 3 bãi rác tạm Đình Vũ	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	501/QĐ-UB ngày 5/4/2005	2.279,000	2.279,000	98,142
<b>VIII</b>	<b>Phát thanh và truyền hình</b>			<b>342.191,493</b>	<b>342.191,493</b>	<b>64.449,471</b>
1	Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động của Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng	Đài Phát thanh và Truyền hình	24/QĐ-STC ngày 13/5/2019	342.191,493	342.191,493	64.449,471
<b>IX</b>	<b>Văn hóa, thông tin</b>			<b>127.804,462</b>	<b>93.790,462</b>	<b>15.389,130</b>
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Hải Phòng - giai đoạn I	Thành đoàn Hải Phòng	2397/QĐ-UBND ngày 03/10/2003; 507/QĐ-UBND ngày 26/3/2009; 2082/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	90.260,462	90.260,462	11.347,462
2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn của Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố	Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố	2242/QĐ-UBND ngày 13/11/2013	3.530,000	3.530,000	1.552,210
3	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Dư Hàng, quận Lê Chân, HP	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	1909/QĐ-UBND ngày 9/10/2010; 2552/QĐ-UBND ngày 24/12/2013	34.014,000		2.489,458
<b>X</b>	<b>Thể dục thể thao</b>			<b>356.678,995</b>	<b>75.697,000</b>	<b>20.374,079</b>
1	Dự án Trung tâm huấn luyện và tổ chức thi đấu môn bắn súng, bắn cung	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	1105/QĐ-UBND ngày 30/11/2012	255.689,000	49.798	9.834,067
2	Dự án Trung tâm huấn luyện đua thuyền Hải Phòng - Giai đoạn I	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	1117/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	100.989,995	25.899,000	10.540,012
<b>XI</b>	<b>Xã hội</b>			<b>312.730,000</b>	<b>111.576,000</b>	<b>10.839,214</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm giáo dục - lao động - hòa nhập cộng đồng Hải Phòng	Tổng đội TNXP Hải Phòng	2468/QĐ-UBND ngày 16/10/2002 1979/QĐ-UBND ngày 30/9/2009	151.576	111.576	5.840,000
1	Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội số 2 (khu dạy nghề người sau cai nghiện)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	314/QĐ-UBND ngày 09/3/2012	161.154		4.999,214
<b>XII</b>	<b>Dự án khác</b>			<b>269.395,437</b>	<b>181.778,383</b>	<b>38.220,924</b>
1	Xây dựng Trung tâm hội nghị Thành phố	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	665/QĐ-STC ngày 30/10/2014	134.374,437	134.374,437	6.042,365
2	Xây dựng khu nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải tại xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải	UBND huyện Cát Hải	2138/QĐ-UBND ngày 30/11/2011; 350/QĐ-UBND ngày 02/4/2013; 112/QĐ-UBND ngày 15/01/2014; 173/QĐ-UBND ngày 02/3/2018; 661/QĐ-UBND ngày 10/5/2019	135.021,000	47.403,946	16.815,759
3	Hoàn vốn ứng trước các dự án					15.362,800
-	Dự án Bảo tồn đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Cát Bà, giai đoạn 2007-2011	Vườn Quốc gia Cát Bà	2502/QĐ-UBND ngày 17/12/2007; 2099/QĐ-UBND ngày 08/12/2008			697,400
-	Bảo vệ rừng phòng hộ ven biển năm 2009	Hội chữ thập đỏ Hải Phòng	347A/QĐ-SNN-QLXD			113,400
-	Dự án đầu tư xây dựng khu neo đậu tàu thuyền và dịch vụ hậu cần bến cá Ngọc Hải - Đồ Sơn	Ban QLDA Cty DV và XD Thủy sản	183/QĐ-UB ngày 01/02/2000; 3374/QĐ-UB ngày 30/11/2001; 1945/QĐ-UB ngày 19/8/2003			2.015,000

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt/ Giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)	
			Số QĐ	TMĐT		
				Tổng số		Trong đó: NSTP
-	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi kênh Hòn Ngọc, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	BQLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	5304/QĐ-BNN-QLN ngày 30/10/2001			6.337,000
-	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm dưỡng sinh và phục hồi sức khỏe thành phố Hải Phòng	Ban bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ thành phố	2622/QĐ-UBND ngày 22/10/2003; 2445/QĐ-UBND ngày 07/12/2007; 1943/QĐ-UBND ngày 17/11/20210			6.000,000
-	Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống trình diễn nhạc nước kết hợp âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo nghệ thuật tại khu vực lòng hồ Tam Bạc, thành phố Hải Phòng - Giai đoạn I	Sở Văn hóa và thể thao	2734/QĐ-UBND ngày 05/12/2014			200,000

**BIỂU IX. KẾ HOẠCH VỐN VAY LẠI VỐN ODA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 65 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch ODA vay lại giai đoạn 2021-2025
				Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn ODA		
						Tổng số	Vốn ODA vay lại	
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>6.906.319</b>	<b>1.631.312</b>	<b>5.275.006</b>	<b>1.045.401</b>	<b>249.057</b>
I	<b>Các hoạt động kinh tế</b>			<b>885.860</b>	<b>127.900</b>	<b>757.960</b>	<b>182.950</b>	<b>182.950</b>
I.1	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp</b>			<b>885.860</b>	<b>127.900</b>	<b>757.960</b>	<b>182.950</b>	<b>182.950</b>
1	Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	BQL DA ĐTXD CCT NN và PTNT	1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017; 2638/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	885.860	127.900	757.960	182.950	182.950
II	<b>Bảo vệ môi trường</b>			<b>6.020.459</b>	<b>1.503.412</b>	<b>4.517.046</b>	<b>862.451</b>	<b>66.107</b>
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	2591/QĐ-UBND ngày 10/05/2017	101.085	16.913	84.172	42.086	41.391
2	Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố HP giai đoạn I (Bao gồm cả Dự án tái định cư Gia Minh phục vụ GPMB hợp phần quản lý chất thải rắn)	BQL DA PTĐT và ĐTXDCTDD	2333/QĐ-UBND ngày 25/10/2006; 1110/QĐ-UBND ngày 04/7/2008; 1807/QĐ-UBND ngày 11/9/2009; 2469/QĐ-UBND ngày 09/12/2009; 1727/QĐ-UBND ngày 18/10/2010; 1752/QĐ-UBND ngày 20/10/2010; 186/QĐ-UBND ngày 09/02/2012; 303/QĐ-UBND ngày 08/3/2012; 1821/QĐ-UBND ngày 23/9/2013; 1254/QĐ-UBND ngày 05/7/2013; 230/QĐ-UBND ngày 04/02/2016; 3098/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 577/QĐ-UBND ngày 15/3/2017; 1029/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; 1573/QĐ-UBND ngày 05/7/2018; 3616/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	5.919.374	1.486.499	4.432.874	820.365	24.716

**BIỂU X. VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CỦA CÁC DỰ ÁN  
CHƯA ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị giao nhiệm CBĐT	Dự toán phê duyệt/giá trị quyết toán		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		
			Số Quyết định	Giá trị	Tổng số	Trong đó:	
						KHV năm 2021	KHV giai đoạn 2022-2025
	<b>Tổng số</b>			<b>47.722,80</b>	<b>17.195,53</b>	<b>4.705,443</b>	<b>12.490,09</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển	Sở Giao thông vận tải	534/QĐ-KHĐT ngày 22/02/2021	898,192	898,192	720,000	178,192
2	Dự án đầu tư nâng cấp cải tạo, mở rộng tuyến đường tỉnh 351 đoạn từ ngã tư Long Thành, xã Nam Sơn đến cầu Kiến An, xã Hồng Thái, huyện An Dương	Sở Giao thông vận tải	1074/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2020	157,998	157,998	120,000	37,998
3	Dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trên luồng đường thủy nội địa quốc gia sông Văn Úc	Sở Giao thông vận tải	1102/QĐ-SGTVT ngày 28/9/2021	2.528,82	2.528,819	1.300,000	1.228,819
4	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Cát Hải	BQLDA ĐTXD hạ tầng ĐT và KKT, KCN	36/QĐ-STC ngày 24/9/2021	2,784	2,784	0,000	2,784
5	Ban chuẩn bị dự án tuyến đê quai lán biển huyện Tiên Lãng	BQL DA ĐTXD các công trình NN&PTNT	394/TB-STC ngày 17/12/2018	34.039,939	9.092,665	0,000	9.092,665
6	Dự án Đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm	BQL DA PTĐT và ĐTXD CT DD	269/QĐ-BQL-PTĐT ngày 05/9/2017; 1594/QĐ-UBND ngày 09/4/2018; 3410/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	8.416,832	2.916,832	1.000,000	1.916,832
7	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng hồ Phương Lưu	BQL DA PTĐT và ĐTXD CT DD	2040/QĐ-SXD ngày 22/12/2020	160,796	160,796	128,000	32,796
8	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở sinh viên tập trung tại phường Kênh Dương, quận Lê Chân (giai đoạn II)	BQL DA PTĐT và ĐTXD CT DD	03/QĐ-GĐSTC ngày 26/01/2018	1.517,443	1.437,443	1.437,443	0,000

**BIỂU XI. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI ĐÃ ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021, NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số **65** /NQ-HĐND ngày **10** tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	QĐ phê duyệt	TMDT		Lấy kế đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)		
			Tổng số	Trong đó: NSTP		Tổng số	Trong đó:	
							Năm 2021	Giai đoạn 2022 - 2025
	<b>Tổng số</b>		<b>2.480.925</b>	<b>2.368.022</b>	<b>4.840</b>	<b>2.363.182</b>	<b>848.773,140</b>	<b>1.514.409</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (Km1+00) đến Ngã Ba Vạn Bún (đường Lý Thái Tổ), quận Đồ Sơn	1963/QĐ-UBND ngày 10/7/2020	832.689	832.689	1.500	831.189	300.000	531.189
2	Tu bổ, nâng cấp đê điều xung yếu năm 2021, thành phố Hải Phòng	2885/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 3758/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 2606/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	104.479	71.497	1.000	70.497	38.500	31.997
3	Dự án đầu tư cải tạo mặt đê kết hợp làm đường giao thông đoạn đê hữu Sông Thái Bình (từ xã Tân Liên đến Cầu Hàn) huyện Vĩnh Bảo	3706/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	269.159	264.211	1.300	262.911	18.964	243.947
4	Dự án Đầu tư xây dựng trung tâm Hành chính - Chính trị quận Ngô Quyền	3544/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	254.175	189.175		189.175	130.000	59.175
5	Đầu tư xây dựng Hội trường xét xử thân thiện, phòng làm việc của thẩm phán và thư ký Tòa Gia đình và người chưa thành niên, Trung tâm lưu trữ hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố	53/QĐ-UBND ngày 07/01/2020	14.623	14.623	70	14.553	10.000	4.553
6	Trung tâm Y tế quận Dương Kinh	701/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	222.187	212.214	700	211.514	20.000	191.514
7	Dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng đường Máng Nước từ ngã tư Tôn Đức Thắng - Quốc lộ 5 đến đường tỉnh 351, huyện An Dương	908/QĐ-UBND ngày 02/4/2021	359.817	359.817		359.817	201.180	158.637
8	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường liên phường với tuyến đường trong Khu công nghiệp Nam Tráng Cát, quận Hải An	1254/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	162.675	162.675		162.675	20.760	141.915
9	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 9,2 ha phường Thành Tô, quận Hải An	1655/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	140.300	140.300		140.300	51.940	88.360
10	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hải Phòng Sakura Golf Club tại huyện An Lão	2926/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	72.908	72.908	100	72.808	35.000	37.808
11	Dự án đầu tư xây dựng Mở rộng nghĩa trang Đồng Chợ, xã Trường Thành, huyện An Lão	2927/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	36.517	36.517	100	36.417	22.429	13.988
12	Dự án đầu tư giải phóng mặt bằng Tòa án nhân dân quận Kiến An giai đoạn II, làm sân, đường vào, cổng, tường rào	58/QĐ-UBND ngày 08/01/2020	11.396	11.396	70	11.326		11.326

**BIỂU XII. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 SANG GIAI ĐOẠN  
2021 - 2025 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH TĂNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 65 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	QĐ điều chỉnh		Tăng so với QĐĐT đã phê duyệt trong giai đoạn 2016 - 2020		Phần tăng tổng mức đầu tư phải bổ sung kế hoạch ĐTC NSTP giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)	
		Số QĐ	TMĐT		TMĐT		
			Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số		Trong đó: NSTP
	<b>Tổng số</b>		<b>2.392.527</b>	<b>2.251.543</b>	<b>667.985</b>	<b>537.954</b>	<b>270.465</b>
1	Dự án cải tạo đường tỉnh 359 đoạn từ Cầu Bính đến xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên	32/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	1.819.685	1.739.685	504.020	424.020	191.184
2	Dự án cải tạo đường thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên	33/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	442.692	442.692	137.230	137.230	77.230
3	Dự án xây dựng tuyến đường bao phía Nam kênh Huyện đội thị trấn Tiên Lãng (đoạn từ đường 354 đến đường 212)	36/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	130.150	69.166	26.735	-23.296	2.051

**BIỂU XIII. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ NHƯNG CHƯA CÓ QUYẾT  
ĐỊNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	QĐ phê duyệt DA/NQ CTĐT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)
			Tổng số	Trong đó: NSTP	
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>35.089.897,3</b>	<b>29.901.962,3</b>	<b>29.872.373,3</b>
<b>Phê duyệt các năm: 2015, 2017, 2018, 2019</b>			<b>4.126.852,7</b>	<b>1.752.367,7</b>	<b>1.730.757,7</b>
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Hải Phòng - giai đoạn I (phần sử dụng vốn vay ODA)	103/QĐ-TTg ngày 23/01/2017; 1601/QĐ-UBND ngày 10/7/2015; 3205/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	2.351.409,0	220.161,0	220.161,0
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ A48, A49 Lán Bè, phường Lam Sơn, quận Lê Chân	31/QĐ-HĐND ngày 01/6/2018	226.538,0	226.538,0	220.287,7
3	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (giai đoạn 2)	32A/QĐ-HĐND ngày 04/6/2018	687.345,4	687.345,4	677.488,7
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	32/QĐ-HĐND ngày 01/6/2018	365.857,4	365.857,4	361.074,8
5	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý giao thông đô thị thông minh thành phố Hải Phòng - giai đoạn 1	48A/QĐ-HĐND ngày 04/10/2017	206.877,0	206.877,0	206.156,6
6	Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần số 14 Dự án "Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản	1594/QĐ-UBND ngày 08/7/2019	288.826,0	45.589,0	45.589,0
<b>Phê duyệt năm 2020</b>			<b>12.574.147,6</b>	<b>9.776.333,6</b>	<b>9.774.004,6</b>
7	Đầu tư xây dựng tuyến đê tả sông Cấm đoạn từ K25+000 đến K31+741 tại huyện Thủy Nguyên	26/NQ-HĐND ngày 22/7/2020	2.980.000,0	2.980.000,0	2.979.000,0
8	Dự án đầu tư tu bổ tôn tạo quần thể di tích Bến K15, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn	28/NQ-HĐND, 19/7/2019	187.479,0	187.479,0	186.629,0
9	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của trung đoàn bộ 238/f363 và khu đất doanh trại của sư đoàn 363 thuộc quân chủng Phòng không - Không quân	45/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020	269.442,0	269.442,0	269.442,0
10	Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải, hệ thống tín hiệu giao thông và công viên ven sông từ đường ven sông Cấm đến đường đê tả sông Cấm	48/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020	1.067.748,4	1.067.748,4	1.067.748,4
11	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu đất thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân	42/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020	481.414,0	481.414,0	481.414,0

STT	Tên dự án	QĐ phê duyệt ĐA/NQ CTĐT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án)
			Tổng số	Trong đó: NSTP	
12	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu đất trện địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và đại đội PPK171/e240 thuộc quân chủng Phòng không - không quân	44/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020	142.615,0	142.615,0	142.615,0
13	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất trện địa chính thức của cPPK172/e240 và TLd72/e285 thuộc quân chủng Phòng không - Không quân	43/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020	129.133,2	129.133,2	129.133,2
14	Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi (TMĐT 5.375,316 tỷ đồng, NSTP là 3.683,012 tỷ đồng)	49/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 34/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	5.375.316,0	3.683.012,0	3.682.533,0
15	Dự án đầu tư xây dựng cầu Bến Rừng (TMĐT 1.941 tỷ đồng, NSTP: 835,5 tỷ đồng).	50/NQ-HĐND ngày 22/12/2020	1.941.000,0	835.490,0	835.490,0
	<b>Phê duyệt năm 2021</b>		<b>18.388.897,0</b>	<b>18.373.261,0</b>	<b>18.367.611,0</b>
16	Xây dựng công trình Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố, hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cẩm	21/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	2.252.777,0	2.252.777,0	2.247.277,0
17	Xây dựng công trình Trung tâm Hội nghị - biểu diễn thành phố và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cẩm	22/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	1.785.342,0	1.785.342,0	1.785.342,0
18	Dự án đầu tư xây dựng Khu chung cư Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền	27/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	2.718.235,0	2.718.235,0	2.718.235,0
19	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện	24/NQ-HĐND 12/8/2021	7.439.524	7.439.524	7.439.524,0
20	Dự án đầu tư xây dựng cầu Lại Xuân và cải tạo, mở rộng đường tỉnh 352	20/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	1.334.876	1.322.277	1.322.277,0
21	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt sông Hóa và đoạn tuyến qua Hải Phòng của tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn	26/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	778.456	775.419	775.419,0
22	Dự án đầu tư xây dựng công viên cây xanh nút giao Nam cầu Bính	23/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	134.527	134.527	134.527,0
23	Chỉnh trang sông Tam Bạc đoạn từ cầu Lạc Long đến cầu Hoàng Văn Thụ	28/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	572.335	572.335	572.185,0
24	Dự án đầu tư xây dựng nút giao khác mức tại Ngã 4 đường Tôn Đức Thắng - Máng Nước - Quốc lộ 5	25/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	688.831	688.831	688.831,0
25	Dự án đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng (giai đoạn 1)	31/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	375.774	375.774	375.774,0
26	Dự án thực hiện một số nội dung để xây dựng Chính quyền số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025	45/NQ-HĐND, ngày 04/11/2021	308.220	308.220	308.220